

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Cương;

Ông Lệnh Xuân Chính;

- Thư ký phiên tòa: Bà Anh Thị Thanh Tâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Ngũ Thị X, sinh năm 1983

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Tổ A, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh T và chị Ngũ Thị X qua một thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý nên đã quyết định tiến tới hôn nhân. Đến ngày 19/02/2001 anh và chị X đã tự nguyện đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 8 năm 2007 đến ngày 15/10/2021 do vi phạm pháp luật nên anh T phải đi chấp hành án tại Trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Khi trở về địa phương thì chị Ngũ Thị X không có mặt tại địa phương, chị X bỏ đi đâu không ai biết, anh T đã liên

lạc bằng nhiều hình thức, tìm kiếm chị X nhưng đến nay không có thông tin nào của chị X. Hiện nay, anh T không biết chị X ở đâu, còn sống hay đã chết. Việc chị Ngũ Thị X biệt tích được cơ quan quản lý hộ khẩu Công an và tổ trưởng tổ dân phố A, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang xác nhận chị X đã đi khỏi nơi cư trú từ năm 2017 cho đến nay chị X không có mặt tại nơi cư trú và không có tin tức gì về chị X. Anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị X mất tích để giải quyết việc ly hôn, ngày 08/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 01/2024/QĐST-DS tuyên bố chị Ngũ Thị X mất tích. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Ngũ Thị X.

Về con chung: Anh T và chị X có 02 con chung là cháu Ngũ Thị H, sinh ngày 06/7/2001 và Phạm Anh T1 sinh ngày 16/4/2008. Cháu H hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu T1 hiện nay đang sinh sống cùng anh T, anh trọng đề nghị sau khi ly hôn anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Anh T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Ngũ Thị X, vắng mặt. ngày 08/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 01/2024/QĐST-DS tuyên bố chị Ngũ Thị X mất tích. Đến nay chị X không có mặt tại nơi cư trú, cũng không có tin tức gì về chị X.

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh T ly hôn với chị X. Giao cháu Phạm Anh T1 sinh ngày 16/4/2008 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Ngũ Thị X đã được Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-DS ngày 08/3/2024 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ngũ Thị X, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: tổ A, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Ngũ Thị X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị X là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2007 anh T do vi phạm pháp luật nên anh T phải đi chấp hành án tại Trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Đến 15/10/2021 trở về địa phương không thấy chị X ở nhà, anh đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Việc chị Ngũ Thị X biệt tích được cơ quan quản lý hộ khẩu Công an và tổ trưởng tổ dân phố A, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang xác nhận chị X đã đi khỏi nơi cư trú từ năm 2017 cho đến nay chị X không có mặt tại nơi cư trú và không có tin tức gì về chị X. Anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị X mất tích để giải quyết việc ly hôn, ngày 08/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 01/2024/QĐST-DS tuyên bố chị Ngũ Thị X mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, cuộc sống chung giữa anh T và chị X không còn tồn tại, anh T yêu cầu xin ly hôn với chị X là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Ngũ Thị X.

[4] Về con chung: Anh T và chị X có 02 con chung là cháu Ngũ Thị H, sinh ngày 06/7/2001 và Phạm Anh T1 sinh ngày 16/4/2008. Khi chị X bỏ nhà đi biệt tích, để lại các cháu sống cùng ông bà nội, cháu H hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu T1 hiện nay đang sinh sống cùng anh T, anh T đề nghị sau khi ly hôn anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Anh T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Do chị Ngũ Thị X mất tích nên yêu cầu của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn T. Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Ngũ Thị X.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Phạm Anh T1 sinh ngày 16/4/2008 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Chị Ngũ Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002803 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang ngày 01/4/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Phạm Văn T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngũ Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Quản Bạ (2);
- UBND thị trấn Tam Sơn;
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS H.Quản Bạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Đình Vĩ